

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-ST
Ngày 27-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 Tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với Bị cáo: N V P, sinh ngày 05-4-1989, tại xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang; CMND số 351944778 công an tỉnh An Giang cấp ngày 08-6-2020; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 13, Tổ 9, ấp M T, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số nhà 13, Tổ 9, ấp M T, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N V N, sinh năm 1963, còn sống và bà N T N, sinh năm 1965, còn sống; Có vợ tên N T C N, sinh năm 1989; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo N V P bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/LC-ĐTTH ngày 24-9-2022.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà K T M T, sinh ngày 11-12-1999

CCCD số 089199001275 cấp ngày 24-4-2021

Nơi cư trú: Số nhà 402, ấp M Đ, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà N T H, sinh năm 1972 (Cầm đồ M Q)
CMND số 351989920 công an tỉnh An Giang cấp ngày 15-10-2020
Nơi cư trú: Quốc lộ 91, Tổ 34, ấp B P II, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Ông P V Đ, sinh năm 1987
CMND số 352036514 công an tỉnh An Giang cấp ngày 17-8-2016
Nơi cư trú: Tổ 13, ấp B P II, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Ông L C Đ, sinh ngày 29-11-1993
CCCD số 089093014155 cấp ngày 18-11-2021
Nơi cư trú: Ấp T P, xã B T, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

4/ Ông N V N, sinh năm 1963
CMND số 350207052 công an tỉnh An Giang cấp ngày 20-3-2010
Nơi cư trú: Số nhà 13, Tổ 9, ấp M T, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang.
Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà V T P, sinh ngày 06-01-1978
CCCD số 089178001419 cấp ngày 24-4-2022
Nơi cư trú: Số nhà 402, ấp M Đ, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang.
Có mặt tại phiên tòa.

2/ Ông T Q M, sinh năm 1960
CCCD số 089060010441 cấp ngày 10-5-2021
Nơi cư trú: Khóm H P I, thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Ông C H M H, sinh năm 1973
Nhân viên bảo vệ của Công ty ASEAN Đông Á – Đang làm bảo vệ Cổng số 1, số 2 – Công ty SAMHO – Khu Công nghiệp B H
Nơi cư trú: Ấp A P, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) *Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Khoảng 16 giờ 40 phút; ngày 16-7-2022, N V P là công nhân của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Giang Samho, đi bộ qua khu giữ xe công nhận tại khu

vực nhà để xe Số 2 của Công ty Samho tọa lạc trong khu công nghiệp B H, thuộc ấp P H I, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang; lấy trộm xe mô tô biển số 67L1 – 813.65 loại xe Wave màu xanh đen, nhãn hiệu RSX của bà K T M T làm công nhân chung công ty Samho với P. Bên trong cốp xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L1 – 813.65. Sau khi lấy trộm xe, P mang xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ M Q thuộc ấp B P II, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang cầm cho bà N T H là chủ tiệm cầm đồ với số tiền 8.000.000 đồng, P lấy 4.000.000 đồng trả nợ cho ông P V Đ. Sau khi phát hiện xe bị mất trộm bà T đến công an xã B H trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ:

01 xe mô tô biển số 67L1 – 813.65, nhãn hiệu: HONDA, loại: Wave RSX, màu: Đen – Xanh, số máy: JA38E0029843, số khung: 3821GY010069, đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L1 – 813.65. Đã trao trả cho bị hại bà K T M T;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen, đã qua sử dụng;

Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng (loại Polime mệnh giá 500.000 đồng x20 tờ).

Tại kết luận định giá tài sản số 89/KL.HĐ ngày 10-8-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 xe mô tô biển số 67L1 – 813.65, nhãn hiệu: HONDA, loại: Wave RSX, màu: Đen – Xanh, số máy: JA38E0029843, số khung: 3821GY010069, đã qua sử dụng, có giá trị là 26.500.000 đồng x 50% = 13.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 13.250.000 đồng.

Ngày 24-9-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố vụ án số 94 về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 24-9-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố bị can số 71 đối với N V P về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 24-9-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/LC-ĐTTH, cấm bị can N V P đi khỏi nơi cư trú thời hạn 04 tháng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo N V P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu; phù hợp với lời khai của bị hại bà K T M T; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà N T H, ông P V Đ, ông L C Đ, ông N V N; phù hợp với lời khai của những người làm chứng là bà V T P, ông T Q M, ông C H M H; phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị hại bà K T M T trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Bà đã nhận lại tài sản bị mất trộm. không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P V Đ trình bày: Ông có tham gia chơi đánh bạc bằng hình thức đá gà qua mạng ăn thua bằng tiền với P thời gian 04 ngày, mỗi trận chơi cược từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau khi chơi P thua ông tổng số tiền 6.000.000 đồng; ông không biết số tiền 6.000.000 đồng P trả cho ông là số tiền P phạm tội mà có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L C Đ trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Việc P lấy trộm xe mô tô biển số 67L1 – 813.65 ông hoàn toàn không biết. Khi được P nhờ đẩy xe ra cổng khu công nghiệp B H thì ông nghĩ xe của P bị hết xăng nên mới đẩy phụ, ông và P không thỏa thuận, bàn bạc hay tính toán gì trước với nhau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N V N trình bày: Ông là cha ruột của P. Hiện tại ông đã khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bà N T H là chủ tiệm cầm đồ M Q với số tiền 8.000.000 đồng, ông không yêu cầu P phải trả lại cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N T H trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Bà nhận cầm của P xe mô tô biển số 67L1 – 813.65, nhãn hiệu: HONDA, loại: Wave RSX, màu: Đen – Xanh, đã qua sử dụng với giá 8.000.000 đồng. Bà không biết xe mô tô biển số 67L1 – 813.65 là do P trộm cắp mà có. Hiện tại, bà đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng từ gia đình của P nên bà không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng bà V T P, ông T Q M, ông C H M H trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Hành vi của bị cáo N V P đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”. Bị cáo P là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, có sức khỏe, là công nhân Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Giang Samho, có khả năng lao động kiếm sống, có thu nhập, nhưng có tính tham, xem thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài và trả nợ tiền đánh bạc với hình thức chơi đá gà qua mạng ăn thua bằng tiền nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại và bảo vệ công ty đã lén lút lấy trộm của bị hại bà T 01 xe mô tô biển số 67L1 – 813.65, nhãn hiệu: HONDA, loại: Wave RSX, màu: Đen – Xanh, đã qua sử dụng trị giá 13.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo P đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà T; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 89/KL.HĐ ngày 10-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả tài sản do bị cáo chiếm đoạt cho bị hại là bà T.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSCT-HS ngày 30-11-2022 gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng;
01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen, đã qua sử dụng;

Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 15-11-2022, nộp vào tài khoản số 6709203000030 tại Kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKSCT-HS ngày 30-11-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố: Bị cáo N V P về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

*Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo tác động người nhà bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo chấp hành tốt lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 51. Do đó, cần áp dụng Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Phúc mức án tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án 27-12-2022. Giao bị cáo N V P cho UBND xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

*Phân bồi thường dân sự: Bị hại bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 8.000.000 đồng nên không đặt ra xem xét.

*Tang vật liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSCT-HS ngày 30-11-2022 gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo

có yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo.

Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 15-11-2022, nộp vào tài khoản số 6709203000030 tại Kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Trong đó có 4.000.000 đồng do bị cáo giao nộp, 6.000.000 đồng do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P V Đ giao nộp.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Căn cứ Điều 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng còn lại là tài sản của bị cáo trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, không liên quan đến tội phạm. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ.

*Đối với:

- N T H là người nhận cầm xe mô tô biển số 67L1 – 813.65 nhưng không biết đây là tài sản do P phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hòa.

- N V P có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà ăn thua bằng tiền qua mạng với P V Đ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên xử phạt vi phạm hành chính đối với P số tiền 1.500.000 đồng và Đ số tiền 7.500.000 đồng về hành vi này là có căn cứ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có lời sau cùng muốn nói.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong vụ án này có một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ

trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ 40 phút; ngày 16-7-2022, tại khu vực nhà để xe Số 2 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Giang Samho tọa lạc trong khu công nghiệp B H, thuộc ấp P H I, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo N V P là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, là công nhân Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Giang Samho, có thu nhập, đã thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của bị hại và bảo vệ công ty đã lén lút lấy trộm của bị hại bà T 01 xe mô tô biển số 67L1 – 813.65, nhãn hiệu: HONDA, loại: Wave RSX, màu: Đen – Xanh, đã qua sử dụng trị giá 13.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà T; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, hành vi của bị cáo P đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà T với tổng số tiền 13.250.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị.

Bị cáo là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, là công nhân Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Giang Samho, có thu nhập, nhưng có tính tham, xem thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài và trả nợ tiền đánh bạc với hình thức chơi đá gà qua mạng ăn thua bằng tiền, nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại với lỗi cố ý, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo, nhằm giúp cho bị cáo hiểu được giá trị của lao động,

trở thành công dân tốt có ích cho xã hội sau này và cũng đề rắn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tác động người nhà bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Từ sau khi thực hiện hành vi phạm tội cho đến khi có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bị cáo cũng không vi phạm pháp luật gì mới; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, cần tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động, làm lại cuộc đời; Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nghĩ không cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội, mà có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị cũng đủ mức tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích chống và phòng ngừa chung trong xã hội đối với loại tội phạm này.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại bà T đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về vật chứng liên quan đến vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành hiện còn đang giữ tang vật liên quan đến vụ án theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSCT-HS ngày 30-11-2022 gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu nhận lại. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét trả lại bị cáo.

Tiền Việt Nam: 10.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 15-11-2022, nộp vào tài khoản số 6709203000030 tại Kho bạc Nhà nước huyện

Châu Thành, tỉnh An Giang. Trong đó có 4.000.000 đồng do bị cáo giao nộp, 6.000.000 đồng do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P V Đ giao nộp.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có. Căn cứ Điều 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng còn lại là tài sản của bị cáo trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, không liên quan đến tội phạm. Căn cứ Điều 46 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P V Đ.

[9] Đối với:

- N T H là người nhận cầm xe mô tô biển số 67L1 – 813.65 nhưng không biết đây là tài sản do P phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H là đúng quy định.

- N V P có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà ăn thua bằng tiền qua mạng với P V Đ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên xử phạt vi phạm hành chính đối với P số tiền 1.500.000 đồng và Đ số tiền 7.500.000 đồng về hành vi này là có căn cứ.

[10] *Án phí*: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[11] *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo P; bị hại bà T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-12-2022).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, ông Đ, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: Bị cáo N V P phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt N V P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho bị cáo hưởng án

treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án 27-12-2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Phúc cho UBND xã M H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo N V P (người được hưởng án treo) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo P (người đó) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo P (người đó) phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào: Điều 46 và Điều 47 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSCT-HS ngày 30-11-2022;

Trả lại cho bị cáo N V P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 màu vàng đồng, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S màu đen, đã qua sử dụng. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSCT-HS ngày 30-11-2022;

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P V Đ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKSCT-HS ngày 30-11-2022.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo N V P phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo N V P; bị hại bà K T M T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N V N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-12-2022).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N T H, ông P V Đ, ông L C Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ H Đ, huyện C M, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà